

NGÔN NGỮ HỌC VỚI VIỆT NGỮ HỌC

VỀ PHƯƠNG THỨC BIỂU HIỆN MẠCH LẠC THEO QUAN HỆ NGUYÊN NHÂN TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI

SOME TOUCHES ON THE METHOD OF COHERENCE EXPRESSION
ACCORDING TO CAUSAL RELATIONSHIPS IN MODERN STORIES

NGUYỄN THỊ HỒNG NGÀ

(ThS; Nhà Xuất bản ĐHQG Hà Nội)

Abstract: Coherence is a important concept to deduce connections in the text and to find the logicity and the perfect whole of the text. Studying the types of causal relationships and the basis determining causal relationships in modern stories, which are expressed through language forms or logico-semantic sequence of event content, we notice that in this kind of text, the language forms are not the favorite method of contemporary writers to implement coherence. Network of coherence with causal relationships is either intermittent, succeeded or in series, or maybe is a mix of all these relationships, which are considered the most stable relationships to make the structure of the modern story text.

Keywords: Coherence, deduce connections, logicity, perfect whole, causal relationships, modern stories, logico-semantic sequence, language forms, intermittent, succeeded, in series.

Mạch lạc là khái niệm quan trọng để luận suy những mối nối kết trong văn bản, để thấy được tính logic và chỉnh thể của văn bản. Sự nối kết mạch lạc đảm bảo cho việc tạo lập văn bản trên cơ sở sự liên kết cả về hình thức lẫn nội dung. Trong đó, quan hệ nguyên nhân là một trong những yếu tố của mạch lạc.

Theo Diệp Quang Ban, nói về quan hệ nguyên nhân trong văn bản cần phân biệt phương tiện diễn đạt và khuôn mẫu diễn đạt. Đồng thời, ngoài việc xác định quan hệ nguyên nhân, một vấn đề khác của kiểu quan hệ nguyên nhân này góp phần tích cực vào việc giải thuyết tính mạch lạc trong văn bản là mạng lưới các quan hệ nguyên nhân. Gillian Brown và George Yule cho rằng "cái quan trọng nhất là nỗ lực của người đọc (hay người nghe) nhằm đạt đến ý nghĩa định giao tiếp của người viết hay người nói khi tạo ra một thông điệp ngôn ngữ". Đây chính là mối quan hệ nguyên cơ giữa các sự kiện (SK) được đưa ra trong văn bản mà người đọc, trên những cơ sở về "giải thuật chức năng

giao tiếp, sử dụng kiến thức văn hoá xã hội nói chung và xác định luận suy nào cần phải thực hiện" [2,349] sẽ lần ra được mối quan hệ này.

1. Cấu trúc nguyên nhân trong truyện

Để tồn tại, quan hệ nguyên nhân (QHNN) phải dựa vào những cơ sở nhất định của nó. Trabasso và Van den Broek (1985) đã nêu ra "bốn tiêu chuẩn có tính nguyên tắc để thiết lập quan hệ nhân quả giữa hai sự kiện. Đó là: Tính ưu tiên về thời gian; Tính còn hiệu lực; Tính cần; Tính đủ. [3,170]

Trong văn bản truyện, QHNN biểu hiện dưới hai dạng là các loại QHNN và mạng lưới các QHNN thể hiện qua sự liên kết giữa các SK. Đó là: Quan hệ nhân quả kế tiếp; Quan hệ nhân quả gián cách; Quan hệ nhân quả chuỗi. Các QHNN đó có vai trò như là những phương tiện giải đoán mạch lạc của văn bản truyện. Nhờ đó mà ta có thể vạch ra sự phân biệt một bên là những SK làm thành chủ đề của truyện với một bên là những SK có tính chất ngoại vi.

- Theo Diệp Quang Ban [3,169], nói về

QHNN trong văn bản cần đề cập đến ba hiện tượng sau:

+ QHNN được đánh dấu bằng các từ ngữ chỉ quan hệ: QHNN có thể được đánh dấu bằng các quan hệ từ như: *vì, do, bởi, bởi vì, vì thế, vì vậy, tại...* (chỉ nguyên nhân); *nên, cho nên, thế là, thế mà...* (chỉ hệ quả).

+ QHNN thể hiện qua khuôn mẫu diễn đạt: là loại quan hệ có thể được diễn đạt bằng trật tự các câu hay mệnh đề mà không dùng đến các phương tiện diễn đạt vừa nêu ở trên. Dựa vào nội dung của các SK có thể xác định được quan hệ nhân - quả: Thông qua suy luận có thể chứng minh được nhiều SK diễn ra trước là nguyên nhân dẫn đến SK sau.

+ Thông qua các khuôn mẫu diễn đạt các quan hệ nguyên nhân, chúng ta có mạng lưới các quan hệ nguyên nhân. Trong văn bản tồn tại những chuỗi SK có quan hệ nguyên nhân, trong đó SK ban đầu kích hoạt những hoạt động hồi đáp bên trong, và cả bên ngoài, từ phía nhân vật. Trên cơ sở đó, QHNN trở thành một trong những quan hệ có tác dụng quyết định trong việc tạo ra tính mạch lạc. Mạng lưới QHNN được xác định khi một chuỗi các QHNN có quan hệ chuyển tiếp từ cái này sang cái tiếp theo.

2. Các loại quan hệ nguyên nhân và căn cứ xác định quan hệ nguyên nhân

2.1. Căn cứ xác định quan hệ nguyên nhân

2.1.1. Từ chỉ quan hệ nguyên nhân: *Vì, bởi, tại, bởi vì*

- "**Vì** là từ biểu thị sắp nêu ra lí do hoặc nguyên nhân của điều được nói đến". [7]

VD: *Tôi khóc vì nhớ anh và vì cuộc tình của tôi và anh hình như tan vỡ.* (Mùa đông ấm áp)

Hay: *Tôi bỗng hoảng sợ điên cuồng vì nhớ những người đi đánh cá có lẽ không cứu những ai chết đuối.* (Chạy đi sông ời)

Trong 6 truyện ngắn chúng tôi khảo sát, *vì* là từ chỉ QHNN xuất hiện nhiều nhất trong số những phương tiện biểu thị quan hệ nhân quả này 68 (%).

- *Bởi, bởi vì, bởi lẽ* từ biểu thị điều sắp nêu

ra là lí do hoặc nguyên nhân của việc được nói đến. [7]

VD: *Tôi tin anh bởi anh có cái gì đó vừa gặp tôi đã tin ngay.* (MĐAA)

Hay: *Tôi thấy vui hơn, bởi lẽ cậu đã bắt đầu nói chuyện.* (Nước mắt đàn ông)

Nhưng anh không muốn bởi vì tôi còn cuộc đời của tôi. (MĐAA)

- **Tại** biểu thị điều sắp nêu ra là nguyên nhân của việc không hay được nói đến. [7]

VD: **Tại** chúng cháu, chúng cháu ở nhà thì bà không mất. (Tướng về hưu)

Thông qua việc sử dụng các từ chỉ QHNN như *vì, bởi vì, tại, bởi, bởi lẽ* có tác dụng liên kết giữa các vế câu với nhau hoặc giữa các câu, các đoạn văn với nhau, nhằm tạo nên sự mạch lạc chặt chẽ của tác phẩm. Những từ ngữ chỉ QHNN này được xem như là những phương tiện để giải đoán mạch lạc một cách rõ ràng và chắc chắn nhất.

2.1.2. Từ chỉ hệ quả: *vì vậy, vì thế, nên, cho nên, thế là*

Khác với các từ chỉ nguyên nhân là trong một câu, các từ này có thể đứng đầu câu, hoặc giữa câu để chỉ nguyên nhân, các từ chỉ hệ quả chỉ có thể đứng giữa câu chứ không thể đứng đầu câu. Chẳng hạn, trong các từ chỉ nguyên nhân:

Lão già chột mắt này rất nổi tiếng vì những câu chuyện rừng rợn trong cuộc đời mình. (CĐSO)

Ngay cả trong bản thân câu này, chúng ta thay đổi vị trí của các vế câu nhân quả mà nghĩa của chúng vẫn không đổi. Còn các câu có từ chỉ hệ quả thì không thể thay đổi trật tự như thế được.

Bà cả sinh cha tôi ít ngày thì mất, vì vậy ông nội tôi phải tục huyền. (TVH)

Không thể chuyển thành:

Vì vậy ông nội tôi phải tục huyền, bà cả sinh cha tôi ít ngày thì mất. (TVH)

Ông nội tôi phải tục huyền vì bà cả sinh cha tôi ít ngày thì mất thì lại được. Vì sự việc "bà cả mất" nên "ông nội mới tục huyền", bản thân sự việc trước đã là nguyên do dẫn đến sự việc sau.

(nói nguyên có, chứ không phải nguyên nhân, bởi ở đây, người viết muốn nhấn mạnh rằng, sự việc trước không phải là điều kiện cần và đủ cho điều kiện sau xuất hiện theo quan hệ nhân quả, mà ở đây, sự việc trước chỉ là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự việc sau, là duyên có dẫn đến sự việc sau. Bởi sự việc "bà cả mất" không nhất thiết phải dẫn đến sự việc "ông nội phải tục huyền". Đồng thời, theo trình tự thời gian, sự việc "ông nội tục huyền" nhất thiết phải xảy ra sau sự việc "bà cả mất" bởi bản thân từ "tục huyền" có nghĩa là: lấy vợ lại, sau khi vợ trước đã chết. [7]. Việc xác định mạch lạc trong các chuỗi câu loại này đòi hỏi người đọc khi luận suy vừa phải có một vốn tri thức nền vừa phải xác định xem luận suy nào cần phải thực hiện.

Một số phương tiện biểu thị hệ quả tiêu biểu như: *vì vậy, vì thế, nên...*

- "*Vì vậy, vì thế* là từ biểu thị điều sắp nêu ra có lí do hoặc nguyên nhân là điều vừa được nói đến. [7]

VD: *Mẹ tôi đã lặn (bà hơn cha tôi 6 tuổi), vì vậy thực ra ở nhà chỉ có mình tôi có những tình cảm đặc biệt với SK này.* (TVH)

Khác với *vì* chỉ nguyên nhân ở trên, *vì vậy* ở đây lại biểu thị hệ quả, giải thích cho nguyên nhân được nói đến.

- *Nên* là từ biểu thị điều sắp nêu là kết quả trực tiếp của điều được nói đến.[7]

VD: *Biết Thủy và hai con tôi ưa sạch sẽ nên tôi thay giặt luôn.* (TVH)

Dù trong câu này không có *vì* đứng trước nhưng người đọc vẫn dễ dàng nhận thấy *Thủy và hai con tôi ưa sạch sẽ* là nguyên nhân của việc *tôi thay giặt luôn* bởi có từ quan hệ *nên* nối hai vế với nhau. Điều được nêu ra sau *nên* chính là kết quả trực tiếp của việc đã nêu ở trước nó.

- *Thế mà, thế là*: tổ hợp biểu thị điều sắp nêu là là kết quả của tình hình vừa nói. [7]

VD: *Nhà Thẩm cúu được không biết bao nhiêu người ở khúc sông này... Thế mà cuối cùng nó lại chết đuối mà không ai cúu.* (CĐSO)

Qua sự khảo sát của chúng tôi, trong các truyện ngắn hiện đại, việc sử dụng các phương

tiện hình thức để giải đoán mạch lạc theo QHNN không nhiều. Hơn nữa ở cấp độ khảo sát là mạch lạc văn bản truyện ngắn, chúng tôi không chủ yếu đi vào tìm hiểu mạch lạc ở những cấp độ nhỏ như vế câu với nhau mà tập trung vào những đối tượng ở cấp độ lớn hơn như câu với câu, giữa các đoạn văn bản với nhau. Nhưng ở các cấp độ này, bản thân các phương tiện hình thức cũng không phải là thủ pháp mà các tác giả hiện đại ưa thích mà cơ bản họ dựa trên sự suy luận nguyên có từ phía người đọc. Điều này được thể hiện cụ thể, rõ ràng qua các loại QHNN và các mạng lưới quan hệ nguyên nhân. Đó cũng chính là các phương pháp duy trì và triển khai mạch lạc theo QHNN được sử dụng nhiều hơn cả, nhất là ở các cấp độ như câu với câu, đoạn văn với đoạn văn.

2.1.3. Dựa vào trật tự trước - sau và nội dung SK trong văn bản

Qua sự phân chia như trên, chúng tôi thấy rằng, mạch lạc theo quan hệ nhân quả là mối quan hệ khách quan thông qua trình tự logic giữa các SK. Trong đó, có thể phân chia thành ba cấp độ sau:

+ Ở cấp độ trong câu, việc mạch lạc theo quan hệ này bắt buộc phải được hiển thị bằng các từ ngữ chỉ quan hệ như *vì, vì vậy, vì thế...*

+ Còn ở cấp độ từ hai câu trở lên mạch lạc có thể được hiển thị hoá theo quan hệ nhân quả một mặt thông qua các từ nối: *vì, vì vậy, vì thế, bởi vì, mặc dù...*; mặt khác không thông qua các từ nối mà dựa trên trình tự xảy ra giữa các SK.

+ Các từ ngữ biểu thị QHNN được sử dụng để nối kết quan hệ nhân quả trong nội bộ câu và trong việc nối kết các câu với nhau. Còn ở cấp độ cao hơn, trong cảnh huống của văn bản truyện, người đọc, dựa trên những luận suy của mình, tự xây dựng đường dây kết nối các SK, trên cơ sở mạch nhân quả, hay nguyên có của SK.

2.2. Một số loại quan hệ nguyên nhân

Quan hệ nguyên nhân cũng có thể được diễn đạt bằng trật tự các câu hay các mệnh đề mà có thể dùng hay không cần dùng tới các phương

tiện diễn đạt biểu thị quan hệ nguyên nhân. Việc luận suy các giả định để thấy được các mối quan hệ nguyên nhân, chúng tôi dựa trên sự logic của văn bản. Ở đây, chúng tôi phân loại thành hai loại logic. Đó là logic khách quan và logic trình bày. Logic khách quan phản ánh chính xác quy luật tồn tại, vận động và phát triển của hiện thực; còn logic trình bày phản ánh mối quan hệ, sự sắp xếp hiện thực trong văn bản. Tuy nhiên, trong phạm vi luận suy mạch lạc của các văn bản truyện, chúng tôi chỉ đi vào mạch lạc theo quan hệ nguyên nhân.

2.2.1. Mạch lạc theo quan hệ nhân quả thuần túy

Khi xem xét mối quan hệ của các hành động xảy ra trong phát ngôn với chủ thể hành động, chúng tôi chia ra hai loại quan hệ nhân quả, tương ứng là hai kiểu mạch lạc.

- Trong đó, các SK có quan hệ **đồng chủ thể**, tạo nên một giai đoạn vận động của câu chuyện, của diễn biến tâm lý nhân vật.

VD: Trong *Hoa muôn*, cả câu chuyện chỉ xoay quanh một chủ thể là nhân vật chính Hạc, tất cả những nhân vật như chú Tảo, bà cụ, anh chị trong nhà... chỉ làm nền xung quanh câu chuyện của Hạc. Bản thân họ không có quá trình của chính mình. Vì thế, các SK hầu như cũng đều xung quanh một chủ thể là Hạc. QHNN vì thế, cũng chỉ có một chủ thể là Hạc. Các SK này được diễn tiến theo thời gian.

(62,8% SK được khảo sát là có QHNN cùng chủ thể. Có thể vì trong 6 truyện đó, thì 5 truyện là có ít nhân vật. Truyện nhiều nhân vật nhất là *Tướng về hưu*: 12 nhân vật, còn các truyện khác như: *Kịch câm*: 2 nhân vật; *Hoa muôn*: 1 nhân vật; *Cháy đi sông ơi*: 5 nhân vật; *Mùa đông ấm áp*: 4 nhân vật; *Nước mắt đàn ông*: 4 nhân vật.

- Quan hệ nguyên nhân theo **nội dung SK khác chủ thể**

VD: SK đưa con gái mới hai mươi tuổi đầu bỏ nhà đến với người đàn ông đã có gia đình là nguyên nhân dẫn đến SK bỏ mẹ nghĩ rằng con mình đã “bị một thằng Sở Khanh mang cuộc đời con gái đi mất”. (MDAA)

Qua việc khảo sát mạch lạc theo QHNN dựa trên cơ sở chủ thể của SK này, chúng tôi thấy rằng mạch lạc theo quan hệ nhân quả của các truyện hiện đại này là do chính sự vận động của bản thân những SK quyết định chứ không do tác động bên ngoài, tác động khác chủ thể. Điều này làm cho truyện hiện đại có được sự khách quan logic của hiện thực cuộc sống. Nó không có bàn tay sắp xếp chủ quan của tác giả. Mọi điều trong cuộc sống - có nhân có quả - những cái nhân quả ấy không ở đâu mang lại, mà đó chính là do sự sống của mỗi người và của hiện thực cuộc sống.

2.2.2. Mạch lạc theo quan hệ thời gian - nhân quả

Quan hệ thời gian - nhân quả là kiểu mạch lạc logic mà giữa các SK vừa có quan hệ về thời gian trước sau vừa có quan hệ nhân quả với nhau, trong đó trật tự tuyến tính giữa các SK là một yếu tố rất quan trọng để xác định loại quan hệ mạch lạc này. Việc sắp xếp các SK trước sau như thế nào phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của tác giả. Tuy nhiên, bản thân người viết không thể sắp xếp tùy tiện mà phải căn cứ vào trật tự diễn biến có thực của từng SK cụ thể, mà trật tự ấy đã được người đọc thừa nhận như là nó vốn có.

VD: SK mẹ tôi mất → Liệm mẹ tôi, cha tôi khóc → Đóng quan tài cho mẹ tôi → Chôn cất mẹ tôi...

SK này tiếp diễn sau SK kia, mà SK xảy ra trước là nguyên nhân diễn ra SK sau đó. Dựa vào trật tự trước - sau này, ai cũng thừa nhận QHNN giữa chúng. Đây chính là trình tự diễn tiến của đời sống hiện thực khách quan.

2.2.3. Mạch lạc theo quan hệ suy luận nguyên nhân giữa các SK

"Không phải chuỗi các câu đã biểu hiện tính mạch lạc. Đúng hơn là chính người đọc, bị thúc đẩy bởi các nguyên tắc loại suy và giải thuyết cục bộ, đã giả định rằng chuỗi thứ hai mô tả một loạt các SK nối kết với nhau và giải quyết các dấu hiệu ngôn ngữ dưới giả định đó... Các nguyên tắc loại suy và giải thuyết cục bộ đã hình thành cơ sở giả định về mạch lạc trong

kinh nghiệm của chúng ta về đời sống nói chung, cũng như trong kinh nghiệm của chúng ta về diễn ngôn". [2,113]. Căn cứ trên cơ sở đó, chúng tôi đi vào luận giải trên cơ sở luận suy những giả định về mối quan hệ mạch lạc nguyên nhân trong các truyện ngắn.

Không thể nói rằng vì đi tìm con trâu đen huyền thoại mà tôi phải suýt bị chết đuối (*Cháy đi sông ơ*), vì bản thân SK đó nó có thể hàm chứa nhiều kết quả khác. Vì thế việc sắp xếp trước sau không thể là căn cứ để xác định được mà chúng tôi phải dựa vào suy luận nhân quả và nội dung bản thân các SK mà xác định quan hệ nhân quả. Chẳng hạn như SK ông *Tướng về hưu* chết trên đỉnh chốt khi trở lại đơn vị, nếu xét theo luật nhân quả thì ông chế như vậy là không thoả mãn. Tuy nhiên, theo đúng trình tự logic và nội dung của các SK trong truyện (được xem như là điều kiện cần và đủ) thì đó chính là hệ quả của thực tế cuộc sống.

VD: Trong *Mùa đông ấm áp*, tác giả cũng đã thể hiện rất rõ: "*Bây giờ, sau nhiều năm, tôi mới hiểu ra những gì xảy ra với anh và tôi ngày ấy là hợp quy luật.*" Đây là quy luật trong truyện, theo cái logic sự kiện được đưa ra. Bởi, SK một người con gái hai mươi tuổi bỏ nhà lên rừng thăm người yêu - một người đàn ông đã có gia đình - thì ai cũng nghĩ đến một kết quả khác. Rằng, chị bị lừa, bị "*xoi mất đời con gái*". Vì "*ngày ấy, tôi và mọi người thì nghĩ rằng anh là một lão trai đang điếm, trai lơ và ích kỷ. Một người không có tình yêu. Bố mẹ tôi thì cho tôi là kẻ lọc lừa.*" Nhưng sự thể lại khác, rằng "*anh chăm chút tôi bằng tình yêu của một người anh đối với người em gái, rằng tôi chưa hề bị anh xoi tí nào. rằng anh còn dạy tôi sống ra sao giữa những người đàn ông xa lạ.*" Và cái kết cục ấy là hợp quy luật, theo chị và theo logic của những dữ kiện mà chị đưa ra, cần và đủ để kết quả đó xuất hiện.

Việc luận suy mạch lạc dựa trên các QHNN này ở trong các truyện hiện đại mà chúng tôi khảo sát xuất hiện rất nhiều. Dù đó là truyện có cốt truyện SK tâm lí như: *Kịch câm*, *Hoa muôn*, *Mùa đông ấm áp* hay truyện có cốt truyện SK

hành động như *Cháy đi sông ơ*, *Tướng về hưu*, *Nước mắt đàn ông*.

3. Mạng lưới các quan hệ nguyên nhân

Căn cứ trên nội dung nghĩa của SK trong văn bản, chúng tôi lần theo mối quan hệ nhân quả của các SK trong truyện ngắn hiện đại và khái quát thành mạng lưới các quan hệ mạch lạc theo nguyên nhân dựa trên những mô hình hoá của Moskalskaja [9,113]. Việc lựa chọn các phương tiện ngôn ngữ, các tổ chức văn bản theo một cách thức nhất định sẽ tạo nên sự thống nhất cấu trúc trong toàn văn bản mà ở đây chúng tôi đi vào khảo sát mạng lưới các quan hệ nguyên nhân. Mạng lưới nguyên nhân được sử dụng khá nhiều trong các văn bản nghệ thuật và được chúng tôi phân cấp thành ba kiểu loại.

3.1. Quan hệ nguyên nhân kế tiếp

Mạch lạc theo QHNN này được thể hiện qua việc lữ tiến chủ đề tuyến tính, thông qua việc chủ đề hoá theo từng bước SK được nêu ra trước đó.

VD: Trong block 2, truyện *Kịch câm*, Phan Thị Vàng Anh thể hiện mối quan hệ nhân quả theo mô hình này rất rõ.

SK1: *Như một con trăn, nó trườn đến một hàng photocopy thật sang, ở đấy chắc không ai biết nó là ai; hai tờ, một tờ đứt túi, một tờ nó lẳng lặng đưa cho ông bố đang ngồi đọc báo, và cười một cái cười ngang hàng, không phải của con dành cho bố.*

→ SK2. *Một trật tự mới ngay lập tức được thiết lập, bố nó cầu khẩn và căm thù nhìn nó, cái đĩa làm lì nhất trong bốn đĩa, cái đĩa ít nhìn vào mắt ông nhất trong nhà...*

→ SK3. *Nó đứng trước ông, điệu bộ rất lễ phép, cũng lẳng lặng không nói một lời... chỉ có cái cười nhẹ nhàng và đôi mắt...*

→ SK4: *Ông bố hiểu ra, nó thoả mãn biết bao nhiêu, nó đã căm hờn ông biết bao lâu...*

Đoạn văn này gồm bốn SK nằm trong QHNN có tính chất chuyển tiếp, có thể hình dung mối quan hệ nhân quả trong ví dụ theo lược đồ sau:

SK1- NN1

→ SK2 - HQ1

(đưa tờ giấy cho bố) (một trật tự mới được thiết lập)

↓
SK3 - NN2 → SK4 - HQ2

(một trật tự mới được thiết lập) → (cái cười nhẹ nhàng và đôi mắt...)

↓
SK4 - NN3 → SK5 - HQ3

(cái cười nhẹ nhàng và đôi mắt) → (nó thỏa mãn biết bao nhiêu...).

VD: SK1. Đã sợ vãi đái ra quần rồi hả? → SK2. Tào đưa ngón tay chuối mấn nắm lấy ngực tôi. → SK3. Tôi xin mời ông cút khỏi thuyền ngay! → SK4. Ông ở trên thuyền rồi tôi lại kéo phải đầu lâu người thì thôi tôi chết. (CĐSO)

Hoặc có thể dùng phương tiện diễn đạt quan hệ nhân quả để làm rõ tính chất chuyển tiếp đó như sau:

SK1 - NN1: *Vì* tôi "sợ vãi đái ra quần?" *nên* SK2 - HQ1 "Tào đưa ngón tay chuối mấn nắm lấy ngực tôi".

SK2 - NN2: *Vì* "Tào đưa ngón tay chuối mấn nắm lấy ngực tôi" *nên* SK3 - HQ2: Tôi xin mời ông cút khỏi thuyền ngay.

SK3 - NN3 (*Giả định*): Xin mời ông cút khỏi thuyền ngay *Vì* (ông ở lại) *nên* SK4 - KQ3: Tôi lại kéo phải đầu lâu người thì thôi tôi chết.

Tuy nhiên, trong các truyện hiện đại, việc sử dụng các mối quan hệ nhân quả này không rõ ràng. Nó không được hiển ngôn hoá bằng từ ngữ, cũng không có sự duy trì trực tiếp của chủ đề được nói đến. Hầu hết các phát ngôn đều bị tỉnh lược và rất ngắn, nên việc các câu nằm cạnh nhau, nếu chỉ suy lí vào hình thức, khó có thể nhận dạng được. Vì thế, cơ bản phải dựa vào sự suy luận logic, sự giả định trực tiếp từ văn bản. Đây cũng chính là sự mạch lạc mà chúng tôi nhận thấy rõ nhất trong các văn bản được khảo sát.

3.2. Mạng lưới quan hệ nhân quả gián cách

Ở mạng lưới quan hệ này, SK nguyên nhân và SK hệ quả không đi liền nhau. Việc nêu nguyên nhân có thể xuất hiện ở một đoạn văn

bản này, còn SK kết quả thì mãi đến block sau mới xuất hiện. Vì thế, không giống như các mối quan hệ nhân quả khác, mỗi quan hệ nhân quả gián cách này không được nhận diện dễ dàng và bản thân mỗi quan hệ này cũng chính là mối quan hệ lỏng.

VD: Trong *Tướng về hưu*, các block SK không có mối quan hệ nhân quả, như ông Thuần về hưu không phải là nguyên nhân dẫn đến việc bà Thuần chết hay đám cưới con ông Bồng, cũng không là nguyên nhân dẫn đến việc làm giàu của Thủy... hay đám ma của bà Thuần chẳng do nguyên nhân từ ai... Nghĩa là SK này không phải là nguyên nhân dẫn đến SK kia, bản thân các SK đưa ra là rời rạc và không có sự gắn kết móc xích với nhau theo kiểu truyền thống, trong đó quan hệ giữa các SK trong truyện là mối quan hệ tác động lẫn nhau, đường đi của nhân vật ảnh hưởng rất lớn từ tác động bên ngoài.

Ở đây, quan hệ nhân quả cũng được thể hiện, nhưng nó không được xâu chuỗi liên tục và móc xích với nhau mà gián cách. Chẳng hạn SK ông Thuần thấy "ròn rợn" trước cách làm giàu của Thủy trong việc nuôi chó là nguyên nhân dẫn đến SK Thủy phải bỏ nuôi chó và mất một món lợi lớn. SK Thủy bỏ nuôi chó là nguyên nhân dẫn đến việc cô lạnh lùng ngồi tĩnh với chồng "*Anh thôi hút thuốc lá Galăng đi. Năm nay nhà mình hụt thu hai mươi bảy nghìn, chi lạm mười tám nghìn, cộng là bốn mươi lăm nghìn.*"

Như vậy, các SK ở đây không có quan hệ nhân quả theo kiểu SK A là nguyên nhân dẫn đến SK B, SK B là nguyên nhân dẫn đến SK C mà thiếu đi SK nào cũng không thể được, vì nó làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển của các SK. Mỗi QHNN này đã mạch lạc hoá các SK rời rạc trong văn bản với nhau. Các SK vốn được tác giả hiện đại "chụp nguyên từ cuộc sống" nên thoát nhìn chẳng thấy có liên quan gì với nhau cả.

3.3. Mạng lưới quan hệ nhân quả chuỗi

Điều này được thể hiện ở việc một hệ quả có thể xuất hiện từ vài nguyên nhân, hoặc một

nguyên nhân xuất phát từ nhiều hệ quả, trong đó các nguyên nhân này có thể có mối quan hệ với nhau hoặc cũng có thể không.

VD: "Sau đó, rắc rối đầu tiên đến với cha tôi là việc Kim Chi sinh cháu chỉ sau hôm cưới chục ngày. Gia đình ông Bồng bê bối. Ông say rượu, tổng cổ cô con dâu ra cửa. Thăng Tuân cầm dao chém bố, may trượt." (TVH)

SK1 - NN1: Kim Chi sinh cháu chỉ sau hôm cưới chục ngày.

SK2 - HQ1: Gia đình ông Bồng bê bối.

SK3 - HQ2: Ông (Bồng) say rượu, tổng cổ

cô con dâu ra cửa.

SK4 - HQ3: Thăng Tuân cầm dao chém bố, may trượt.

VD: "Ồ đúng rồi, mấy năm nay đã chẳng có ai đến nhặt lá mai cho Hạc. Tuyến lấy vợ. Nhật xuất cảnh. Chúc cách đây mấy hôm thấy chạy xe vào vào ngoài ngõ ba, chở một đứa con gái bé như cái kẹo, không ôm iếc gì cả nhưng nhìn thì biết ngay là bồ bịch". (Hoa muôn)

Hệ quả: Chẳng có ai đến nhặt lá mai cho Hạc.

Vì:

SKNN1: Tuyến lấy vợ

SKNN2: Nhật xuất cảnh

SKNN3: Chúc có bồ

Thông qua việc khảo sát mạch lạc theo mạng lưới QHNN của các truyện hiện đại này chúng tôi thấy rằng, không giống truyện ngắn trước đây, quan hệ nhân quả được thể hiện trong truyện rất rõ nhận diện và lí giải. Truyện hiện đại không như vậy, có thể vì các SK được các tác giả lấy nguyên từ cuộc sống (CĐSO, TVH, NMĐO) hay chỉ là những SK tâm lí của một nhân vật nên các SK ở đây ít bị tác động từ bên ngoài.

Mạch lạc theo QHNN có thể được thể hiện thông qua các hình thức ngôn ngữ (như là một phương tiện liên kết), hoặc thông qua trình tự lôgic ngữ nghĩa của nội dung SK. Qua khảo sát, chúng tôi thấy rằng ở truyện ngắn hiện đại, các hình thức ngôn ngữ không phải là phương pháp để triển khai mạch lạc ưa thích của các nhà văn hiện đại. Vì thế, mạch lạc theo QHNN trong truyện hiện đại không dễ dàng được nhận diện, nhưng lại là mối quan hệ bền vững nhất để tạo nên kết cấu của truyện. Nó có thể là gián cách, kế tiếp hay theo chuỗi, hoặc cũng có thể đan xen của tất cả các mối quan hệ này, nhưng theo chúng tôi quan hệ nhân quả này được xem như là mối luận suy đáng tin nhất trong văn bản truyện.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Thị Vàng Anh (1990), *Khi người ta trẻ*, NXB Hội Nhà văn.
2. Gillian Brow – George Yule (2003), *Phân tích diễn ngôn*, Trần Thuần dịch, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Diệp Quang Ban (2003), *Giao tiếp, văn bản, mạch lạc, liên kết, đoạn văn*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Dân (1997), *Lôgic - cú pháp - ngữ nghĩa*, NXB ĐH và THCN.
5. Nguyễn Thị Thu Huệ (2001), *21 truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ*, NXB Hội nhà văn.
6. O.I. Moskalsaja (1996), *Ngữ pháp văn bản*, Trần Ngọc Thêm dịch, NXB Giáo dục.
7. Hoàng Phê (Chủ biên), (2000), *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Việt Thanh (2000), *Về một phương thức biểu thị quan hệ ngữ nghĩa giữa các câu*, Hội nghị Ngữ học trẻ của Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Hà Nội.
9. Trần Ngọc Thêm (1995), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
10. Nguyễn Huy Thiệp (2003), *Truyện ngắn*, NXB Văn học.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 19-07-2013)